

Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Tăng Trưởng Chiến Lược VinaCapital (VINACAPITAL-VESAF)



Ngày 31/05/2026

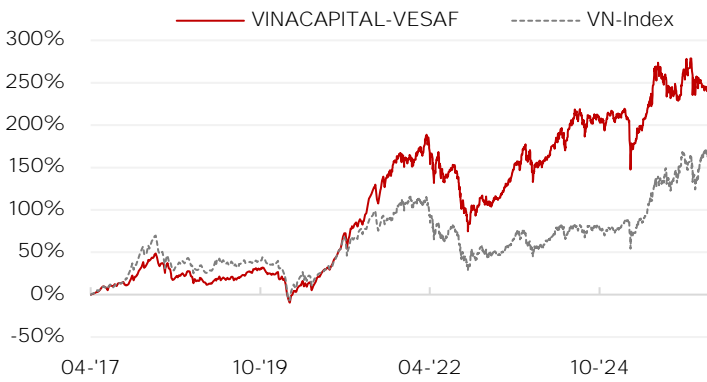
Quỹ đầu tư vào hai nhóm cổ phiếu chính: (1) cổ phiếu của các doanh nghiệp có nền tảng vững chắc, khả năng tăng trưởng kép cao trong nhiều năm và đang giao dịch ở mức định giá hợp lý; và (2) các cổ phiếu chưa được thị trường chú ý nhưng có nhiều chất xúc tác gia tăng giá trị doanh nghiệp.

Hiệu suất đầu tư của quỹ

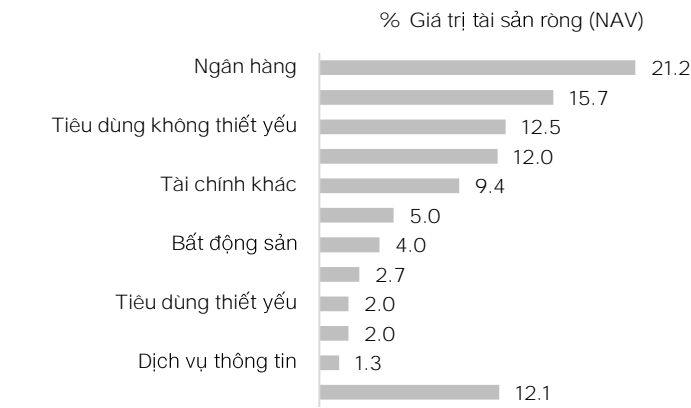
Lợi nhuận (LN)	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
LN tháng 05/2026 (%)	(1.7)	0.5
LN từ đầu năm 2026 (%)	1.1	4.4
LN kép trung bình 3 năm (%/năm)	14.5	20.1
LN kép trung bình 5 năm (%/năm)	9.7	7.0
LN kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	14.4	11.2
LN từ ngày thành lập (%)	239.1	162.7

Dữ liệu là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư tương lai. Lợi nhuận không cam kết và có thể biến động trong ngắn hạn. Khuyến nghị đầu tư trung và dài hạn để đạt hiệu suất tốt.

Lợi nhuận đầu tư từ ngày thành lập



Danh mục đầu tư theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Cổ phiếu	Ngành	% NAV
MBB	Ngân hàng	7.9
BVH	Tài chính khác	7.7
HPG	Vật liệu	6.5
PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	6.5
VCB	Ngân hàng	6.4
CTG	Ngân hàng	4.9
REE	Công nghiệp	4.0
CTR	Công nghiệp	3.9
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	3.4
GMD	Công nghiệp	3.0
TỔNG CỘNG		54.2

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF

Cập nhật thị trường chứng khoán

Trong tháng 5, diễn biến thị trường tiếp tục cho thấy sự phân hóa mạnh, khi mức tăng của chỉ số chủ yếu được dẫn dắt bởi một số cổ phiếu thuộc nhóm Vingroup và dầu khí, trong khi khoảng hai phần ba số cổ phiếu trên HOSE ghi nhận mức giảm. VN-Index chạm đỉnh lịch sử 1.928 điểm vào ngày 18/05 nhưng không duy trì được đà tăng trong nửa cuối tháng, do thanh khoản suy yếu, lãi suất ngân hàng vẫn neo ở mức cao và khối ngoại tiếp tục bán ròng. Chỉ số kết thúc tháng 5 chỉ tăng nhẹ 0,5% so với tháng trước, và giảm 3,3% từ mức cao nhất trong tháng.

Thanh khoản thị trường tiếp tục ở vùng thấp. Giá trị giao dịch bình quân mỗi ngày tính trên cả ba sàn đạt 26,4 nghìn tỷ đồng, gần như đi ngang so với tháng 4 và là mức thấp nhất kể từ đầu năm 2026. Nhà đầu tư nước ngoài duy trì trạng thái bán ròng trong phần lớn thời gian của tháng, với tổng giá trị bán ròng lên đến 19,6 nghìn tỷ đồng – mức cao nhất trong bảy tháng gần đây.

Về vĩ mô, kinh tế Việt Nam trong tháng 5/2026 chưa ghi nhận sự cải thiện rõ nét so với tháng trước, khi xung đột Trung Đông tiếp tục tạo áp lực lên lạm phát và tiêu dùng, trong khi động lực tăng trưởng của khu vực sản xuất vẫn tập trung ở một số lĩnh vực chủ chốt. Điểm sáng nổi bật đến từ khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI): vốn đăng ký mới trong 5 tháng đầu năm đạt 20,6 tỷ USD, tăng 33% so với cùng kỳ; vốn giải ngân đạt 9,75 tỷ USD, tăng 9,6%, trong đó 82,7% tập trung vào lĩnh vực chế biến, chế tạo.

Khu vực sản xuất tiếp tục phục hồi nhưng chất lượng phục hồi cần được theo dõi chặt chẽ. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI) tháng 5 đạt 52,8, đánh dấu tháng mở rộng thứ 11 liên tiếp; tuy nhiên, tín hiệu này phần nào phản ánh xu hướng tăng tồn kho nhằm phòng ngừa rủi ro chuỗi cung ứng hơn là sự cải thiện bền vững của nhu cầu cuối cùng. Cùng với đó, cán cân thương mại ghi nhận thâm hụt 5,2 tỷ USD trong tháng 5, nâng mức thâm hụt lũy kế 5 tháng lên 13,8 tỷ USD, tương đương khoảng 7% GDP. Nhập khẩu tăng mạnh 31% trong 5 tháng đầu năm, chủ yếu nhờ linh kiện điện tử và máy móc phục vụ gia công, trong khi xuất khẩu tăng 19,5% nhưng ngày càng phụ thuộc vào khu vực FDI và nhóm điện tử, máy vi tính. Ngược lại, xuất khẩu của khu vực kinh tế trong nước chỉ tăng 2,5%, cho thấy doanh nghiệp nội địa vẫn gặp nhiều thách thức.

Áp lực lạm phát tiếp tục gia tăng trong tháng 5, với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 5,6%, chủ yếu do tác động từ giá năng lượng sang chi phí vận tải và vật liệu xây dựng, qua đó ảnh hưởng đến sức mua thực tế của nền kinh tế. Mặc dù doanh thu bán lẻ thực có cải thiện so với tháng 4, mức tăng trưởng vẫn thấp hơn đáng kể so với giai đoạn trước, với tốc độ tăng lũy kế 5 tháng giảm còn 6,1% từ mức 7,0% của quý I. Trong khi đó, thanh khoản hệ thống ngân hàng vẫn chịu áp lực khi tín dụng tăng 5,7% so với cuối năm 2025, cao hơn đáng kể so với mức tăng 3% của huy động vốn, khiến mặt bằng lãi suất huy động tiếp tục nhích lên. Dù Ngân hàng nhà nước đã chủ động hỗ trợ thanh khoản ngắn hạn thông qua kênh thị trường mở, dư địa cho việc giảm lãi suất vẫn tương đối hạn chế trong bối cảnh rủi ro lạm phát và tỷ giá còn hiện hữu cùng với nhu cầu vốn cao của nền kinh tế.

Ngày 31/05/2026

Chỉ số danh mục cổ phiếu

	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E 2026 (x)	9.3	12.8
Chỉ số P/B 2026 (x)	1.5	1.8
Chỉ số ROE 2026 (%)	16.2	15.3
Tỷ suất cổ tức 2026 (%)	2.4	1.8
Vòng quay danh mục 5 năm (%)	70.1	-
Hệ số Sharpe (5 năm)	0.4	0.2
Hệ số Beta (5 năm)	0.7	1.0
Số lượng cổ phiếu	27	425

(Nguồn: Dự báo của VinaCapital)

Thông tin quỹ

Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	2.451.7
Giá trị TS ròng/CCQ (VNĐ)	33.913.0
Ngày thành lập	4/18/2017
Phí quản lý	1.75%/năm
Phí phát hành	0%
Phí mua lại	Từ ngày 1 - ngày 364: 2% Từ ngày 365 - ngày 729: 1% Từ ngày 730 trở đi: 0%
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, Thứ 2 đến Thứ 6
Chỉ số tham chiếu	VN-Index

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý.)

Thông tin liên lạc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital

Tầng 17, Tòa nhà Sunwah
115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP HCM, Việt Nam
Bộ phận quan hệ đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF

Cập nhật quỹ và triển vọng đầu tư

Trong tháng 5 năm 2026, giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ của VINACAPITAL-VESAF giảm 1,7%, so với mức tăng 0,5% của VN-Index – trong một tháng mà khoảng hai phần ba số cổ phiếu niêm yết giảm giá và diễn biến chỉ số tập trung vào một số ít cổ phiếu như đã đề cập ở phần trên. Cổ phiếu ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu suất của quỹ là Thế Giới Di Động (MWG, -9,2%), điều chỉnh sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận phương án IPO công ty con Điện Máy Xanh – đợt chào bán trị giá 14,4 nghìn tỷ đồng, định giá đơn vị này ở mức xấp xỉ 102 nghìn tỷ đồng. Chúng tôi đánh giá đây là cột mốc hiện thực hóa giá trị đã được chờ đợi từ lâu thay vì một thông tin tiêu cực: Điện Máy Xanh đóng góp khoảng trên 80% lợi nhuận ròng của MWG, và mức định giá IPO hàm ý giá trị riêng của công ty con chỉ thấp hơn 10-15% so với vốn hóa của công ty mẹ. Theo đánh giá của chúng tôi, áp lực lên giá cổ phiếu phản ánh hoạt động cơ cấu vị thế giữa công ty mẹ và công ty con trước thêm niêm yết, hơn là sự thay đổi trong triển vọng kinh doanh hợp nhất.

FPT Retail (FRT, -12,6%) cũng chịu áp lực chốt lời dù công bố doanh thu và lợi nhuận quý 1 tăng lần lượt 30% và 71% so với cùng kỳ, trong khi chuỗi nhà thuốc Long Châu mở mới 100 cửa hàng trong quý 1; chúng tôi đã tạm ngưng nhịp điều chỉnh để tiếp tục gia tăng tỷ trọng. Nhóm ngân hàng và bảo hiểm – MBB và BVH (cùng giảm 4,0%) – giảm cùng xu hướng chung của thị trường trong bối cảnh thanh khoản hệ thống ngân hàng eo hẹp và khối ngoại bán ròng mạnh. Tuy vậy, chúng tôi lưu ý rằng mặt bằng lãi suất trái phiếu dài hạn duy trì ở mức cao về cơ bản vẫn là yếu tố hỗ trợ cho hiệu quả kinh tế của mảng bảo hiểm nhân thọ, và luận điểm đầu tư của chúng tôi đối với nhóm cổ phiếu tài chính, dựa trên khả năng tích lũy giá trị sổ sách qua nhiều năm, không thay đổi. Ở chiều tích cực, Cao su Phước Hòa (PHR, +9,6%) tăng mạnh khi giá cao su tự nhiên đạt đỉnh chín năm và thị trường bắt đầu ghi nhận nguồn thu từ chuyển đổi đất cao su của doanh nghiệp, ước tính khoảng 700 tỷ đồng riêng trong năm 2026. Các cổ phiếu ACB (+6,0%), MIG (+6,0%), VCB (+3,7%), CTR (+3,0%) và PVS (+2,6%) cũng đóng góp tích cực.

Trong tháng, chúng tôi tinh gọn danh mục, tập trung vào những cơ hội đầu tư có mức độ tin cậy cao nhất. Danh mục đang giao dịch ở mức P/E dự phóng năm 2026 là 9,3 lần với ROE dự phóng 16,2% – chiết khấu đáng kể so với mặt bằng chung của thị trường dù tăng trưởng lợi nhuận quý 1 vượt trội. Trong một thị trường mà động lực dẫn dắt chỉ số vẫn hẹp và mang tính đầu cơ, chúng tôi tin rằng sự kiên nhẫn và kỷ luật định giá tiếp tục là nguồn gốc đáng tin cậy nhất của lợi nhuận dài hạn.

Lợi nhuận hằng tháng **LN từ đầu**

	Tháng 1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	năm
2022	-0.8%	4.9%	3.9%	-5.6%	-2.9%	-5.8%	-1.6%	5.5%	-10.2%	-11.3%	-1.8%	-0.1%	-24.4%
2023	9.9%	-5.2%	2.1%	1.8%	5.7%	3.5%	9.4%	3.8%	-1.2%	-11.2%	8.2%	2.5%	30.9%
2024	2.5%	5.7%	5.2%	-4.3%	6.9%	1.0%	0.2%	1.8%	0.2%	-1.1%	-0.2%	2.6%	22.1%
2025	-0.6%	0.7%	-3.9%	-8.2%	6.0%	5.6%	4.6%	13.3%	-5.0%	-2.0%	-2.1%	-0.6%	6.3%
2026	9.7%	2.9%	-5.9%	-3.1%	-1.7%								1.1%

Thông tin quan trọng: Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc để nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.